

Bản án số: 22/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 31/7/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỠ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1, Ông Nguyễn Tất Dũng
- 2, Bà Lê Thị Thanh Mai

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu M Hùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng HỠ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng HỠ tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng HỠ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2019/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lang Thị V, sinh năm 1994 (*Có mặt tại phiên tòa*)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1989 (*Vắng mặt tại phiên tòa*)

Cùng nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm C, xã T, huyện Đồng HỠ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn ghi ngày 26/3/2019, bản tự khai ngày 17/4/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lang Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên vào tháng 02 năm 2011 và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại xóm C, xã T. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn từ năm 2012, khi chị phát hiện anh M sử dụng ma túy và thường xuyên tụ tập cùng các đối tượng xấu. Chị và gia đình đã khuyên ngăn nhưng không được, anh M vẫn lao vào con đường nghiện hút, do mâu thuẫn quá trầm trọng nên từ năm 2014 chị đã về bên nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng đã ly thân được 05 năm nay. Đến nay chị xác định hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2010. Hiện con chung đang ở với anh M và bố mẹ anh M. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Tuy nhiên, chị tôn trọng nguyện vọng của con, cháu Quỳnh N muốn sống cùng với bố và gia đình bên nội thì chị cũng đồng ý và sẽ tự nguyện cấp dưỡng cho con hàng tháng theo khả năng của chị. Tại phiên tòa, chị V xác định con chung đang sống ổn định và vẫn đảm bảo đầy đủ điều kiện về sinh hoạt, học tập

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai của bị đơn anh Nguyễn Tiến M và tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với anh M, anh có lời khai phù hợp với chị V về việc kết hôn, thời điểm kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Anh xác định quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, khoảng năm 2014 chị V xin gia đình cho đi làm Công ty và đi luôn không trở về nhà anh sống nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay. Anh xác định hiện nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn với chị Lang Thị V.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2010, hiện tại con chung đang sống với anh và bố mẹ đẻ của anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Anh xác định cuộc sống của cháu N vẫn được đảm bảo đầy đủ về mọi mặt, cháu được sinh hoạt, học tập bình thường, được đáp ứng những điều kiện cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc của Tòa án đối với cháu Nguyễn Thị Quỳnh N về việc xem xét nguyện vọng của con chung khi bố mẹ ly hôn, cháu N thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống với bố và ông bà nội vì từ nhỏ cháu đã sống với bố và ông bà nội. Cháu được sinh hoạt và học tập đầy đủ, ổn định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Lang Thị V, cho Lang Thị V được ly hôn anh Nguyễn Tiến M.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2010 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị V do anh M chưa có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Án phí: Chị Lang Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xóm C, xã T, huyện H, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi xác định được lời khai, quan điểm của hai bên đương sự, Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, các thông báo đều được tổng đạt trực tiếp cho đương sự theo quy định, tuy nhiên anh Nguyễn Tiến M vắng mặt, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa cho anh M theo quy định, tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn anh M vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Tiến M.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lang Thị V và anh Nguyễn Tiến M kết hôn tháng 02/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn có cơ sở để xác định: Sau khi kết hôn một thời gian, chị V và anh M đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị V trình bày do chị phát hiện anh M sử dụng ma túy, thường xuyên tụ tập với đối tượng xấu, chị và gia đình khuyên can nhưng không được. Cả chị V và anh M đều xác định từ năm 2014 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân và hôn nhân của vợ chồng hiện nay đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, anh M cũng đồng ý. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị V và anh M hiện tại đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không còn sự quan tâm thương yêu nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Việc chị V đề nghị cho chị được ly hôn anh M là có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị V được ly hôn với anh M là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị V, anh M có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2010. Từ nhỏ đến nay, cháu N luôn ở với bố và ông bà nội. Nguyên vọng của cháu là sau khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được tiếp tục sống với bố và ông bà nội. Chị V và anh M đều có nguyện vọng được nuôi con nhưng cả hai cũng đều tôn trọng sự lựa chọn của con. Cả chị V và anh M đều xác định cuộc sống của con ở gia đình bên nội hoàn toàn đảm bảo, ổn định, cháu N được sinh hoạt và học tập đầy đủ. Do vậy, xét thấy nguyện vọng nuôi con của anh M là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần thiết giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V do anh M chưa có yêu cầu. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chi Lang Thị V phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lang Thị V đối với anh Nguyễn Tiến M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lang Thị V được ly hôn anh Nguyễn Tiến M.

2. Về con chung: Chị V và anh M có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 23/11/2010. Giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị V vì anh M không yêu cầu. Chị V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí: Chị Lang Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016284 ngày 29/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Thị An